

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2025
V/v T/c: ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền.

2. Ông Nguyễn Viết Tác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển- Thẩm tra viên- Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2024/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/HNGĐST-QĐ, ngày 31/3/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1983.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A (Nay là Tổ dân phố E), thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1982. (Vắng mặt không có lý do)

Nơi cư trú: Tổ A (Nay là Tổ dân phố E), thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Bùi Văn V trên cơ sở quen biết, được tìm hiểu tình cảm với nhau từ năm 2002 rồi tự nguyện đi đến hôn nhân. Năm 2003 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa

phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 24/8/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Tổ A (nay là tổ dân phố E), thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2023. Từ tháng 5 năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung đời sống chung của vợ chồng không thể hoà hợp, cuộc sống không hạnh phúc, không tiếp tục chung sống với nhau được nữa, thậm chí anh Bùi Văn V đi ngoại tình chung sống với người đàn bà khác không về nhà với gia đình vợ con. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng đã không còn. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 đến nay. Chị T xác định mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh Bùi Văn V không chịu đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Nhưng chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xem xét giải quyết vắng mặt anh V theo quy định của pháp luật là cho chị T được ly hôn anh V.

Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị T và anh V. Kết quả xác minh thấy nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú của chị T và anh V ở tại tổ A (nay là tổ dân phố E) thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Về tình trạng hôn nhân thấy chị T và anh V không nhờ đến tổ dân phố để giải quyết việc mâu thuẫn giữa vợ chồng lần nào, hiện nay vợ chồng sống ly thân tuy nhiên qua thăm năm với bố, mẹ chị T và Tổ trưởng Tổ dân P cho biết anh Bùi Văn V vẫn liên lạc với tổ dân phố nhưng anh V không nói cho ai biết địa chỉ hiện nay anh V đang ở đâu làm gì.

Về con chung: Chị T và anh V gồm có 02 con chung mang họ và tên Bùi Mạnh Q, sinh ngày 01/9/2004, hiện nay đang học tại Trường T7-Hà Nội khoẻ mạnh học tập phát triển bình thường khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và đối với con chung mang họ và tên Bùi Thanh T1, sinh ngày 28/7/2017, hiện nay đang học lớp 02 (hai) trường Tiểu học thị trấn B, Chợ Đ, khoẻ mạnh, học tập, phát triển bình thường, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thanh T1 đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thanh T1.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn V sau khi thụ lý và quá trình tố tụng không hợp tác không đến làm việc tại Tòa án:

Tuy nhiên, quá trình tố tụng anh V đã nhận biết được về thông báo thụ lý vụ án số: 64/TB-TLVA, ngày 09/10/2024; được gửi, giao, niêm yết về thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh V không đến Tòa án làm việc theo thông báo của Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tố tụng anh V không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến. Tuy nhiên, xác nhận anh Bùi Văn V có quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị Hoài T, đúng như chị T trình bày.

Về con chung: Quá trình tố tụng anh V không đến Toà án làm việc, không có ý kiến. Tuy nhiên, xác nhận anh Bùi Văn V và chị Nguyễn Thị Hoài T có 02 con chung đúng như chị T đã trình bày.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với con chung Bùi Mạnh Q sinh ngày 01/9/2004 đã lớn đã trưởng thành hiện nay đang đi học tại Trường T7, thành phố Hà Nội và không có kiến gì về việc bố mẹ ly hôn nhau. Đối với con chung Bùi Thanh Thủy sinh ngày 28/7/2017, hiện nay đang học lớp 02 (hai) trường Tiểu học thị trấn B, Chợ Đ, hiện nay đang ở với mẹ khỏe mạnh, học tập, phát triển bình thường, có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn nhau thì có nguyện vọng được ở với mẹ Nguyễn Thị Hoài T.

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Bùi Văn V và gửi giao thông báo, niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo các Điều 175, 177, 179, 180/BLTTDS. Nhưng không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự là do anh Bùi Văn V vắng mặt, Tòa án tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/4/2025 của nguyên đơn Nguyễn Thị Hoài T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với Bùi Thanh T1. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn V không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự tham gia tố tụng trong vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành xét xử và đến trước khi nghị án; đối với nguyên đơn chấp hành pháp luật đầy đủ. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh V không chấp hành pháp luật đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 227, 228, 238/ Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn bị đơn anh Bùi Văn V.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thanh T1, sinh ngày 28/7/2017 cho Chị Nguyễn Thị Hoài T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung Bùi Thanh T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo các Điều 175, 177, 179/ BLTTDS; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180/ BLTTDS. Do đó Tòa án tiến hành xét vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các Điều 227, 228, 238/ BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Về quan hệ pháp luật của vụ án hôn nhân và gia đình cụ thể là ly hôn, nuôi con chung. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

[3]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Bùi Văn V được tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Nên về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Tổ A (nay là tổ dân phố E) thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2023, đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc, không thể hoà hợp, thậm trí anh V đi với người phụ nữ khác không quan tâm về nhà với vợ với con đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng chính thức sống ly thân từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 đến nay. Vì vậy, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh V không chịu đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nhưng qua xác minh với gia đình bố, mẹ chị T và Tổ dân P xác định hiện nay giữa chị T và anh V vợ chồng đang sống ly thân nhau. Xét thấy chị T đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh V, chị T nhất quyết được ly hôn anh V theo quy định của

pháp luật cần được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nội dung của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T xin được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nêu trên.

Về con chung: Xác định chị T và anh V có 02 con chung là Bùi Mạnh Q, sinh ngày 01/9/2004 hiện nay đã lớn trưởng thành và đang đi học tại Trường T7 tại S - thành phố Hà Nội khoẻ mạnh, học tập phát triển bình thường nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Bùi Thanh T1, sinh ngày 28/7/2017 hiện nay đang ở với mẹ và đang học lớp 02 (Hai) Trường Tiểu học cơ sở thị trấn B, huyện C, khoẻ mạnh, học tập, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thanh T1 cho đến khi đủ 18 tuổi. chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, quá trình tổ tụng anh V không có ý kiến về nuôi con Bùi Thanh T1, đơn xin đề đạt nguyện vọng của Bùi Thanh T1 nếu bố mẹ ly hôn nhau thì có nguyện vọng được ở với mẹ, qua xác minh về điều kiện nuôi con chung đối với bố mẹ chị T, thì bố, mẹ chị T có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho chị T và anh V được ly hôn thì bố mẹ chị T cho mẹ con chị T và cháu T1 ở cùng gia đình bố mẹ, và bố mẹ chị T có thể giúp chị T đưa đón cháu thuý đi học bình thường. Nên việc giao con chung Bùi Thanh T1 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết .

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238/ BLTTDS; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài T xin được ly hôn anh Bùi Văn V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn anh Bùi Văn V.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Thanh T1, sinh ngày 28/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Hoài T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện nay con chung đang ở với chị Nguyễn Thị Hoài T tại Tổ 14B (Nay là tổ dân phố E) thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

3. Về nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0003336 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Về quyền kháng cáo: Chị T, anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã Tự Cường, huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHI**

Nguyễn Duy Cạn